

Khánh Hòa, ngày 10 tháng 01 năm 2026

**CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH NĂM 2025**

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ

Bệnh viện đa khoa Ninh Thuận công khai tình hình thực hiện dự toán thu-chi ngân sách năm 2025 như sau:

*ĐV tính: đồng*

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện năm 2025	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý (6 tháng, năm) nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
<b>I</b>	<b>Tổng số thu</b>	<b>768.535.983.025</b>	<b>730.108.599.101</b>	<b>95,00%</b>	<b>122,84%</b>
1	Ngân sách Nhà nước	25.540.994.025	21.252.482.351	83,21%	537,91%
2	Dịch vụ y tế	652.049.543.000	629.206.416.301	96,50%	122,59%
3	Thu khác ( hoạt động dịch vụ )	90.945.446.000	79.649.700.449	87,58%	103,21%
<b>II</b>	<b>Tổng chi</b>	<b>768.535.983.025</b>	<b>730.108.599.101</b>	<b>95,00%</b>	<b>124,19%</b>
<b>A</b>	<b>Tổng chi thường xuyên</b>	<b>767.156.786.025</b>	<b>727.674.903.999</b>	<b>94,85%</b>	<b>124,00%</b>
	<b>Nhóm 1: Chi thanh toán cho cá nhân</b>	<b>116.749.648.000</b>	<b>240.499.424.480</b>	<b>206,00%</b>	<b>129,77%</b>
1	Tiền lương	40.268.973.000	80.577.648.298	200,10%	139,30%
2	Tiền công trả cho lao động thường xuyên theo hợp đồng	6.656.318.000	21.942.827.055	329,65%	137,98%
3	Phụ cấp lương	56.758.788.000	112.395.670.459	198,02%	120,58%
4	Tiền thưởng	1.053.850.000	1.378.728.000	130,83%	130,85%
5	Phúc lợi tập thể	12.111.000	6.292.000	51,95%	51,95%
6	Các khoản đóng góp	11.999.608.000	24.198.258.668	201,66%	140,45%
	<b>Nhóm 2: Chi về hàng hóa, dịch vụ</b>	<b>644.455.694.025</b>	<b>430.646.487.231</b>	<b>66,82%</b>	<b>125,17%</b>
7	Thanh toán dịch vụ công cộng	10.110.103.000	15.180.834.921	150,16%	107,19%
8	Vật tư văn phòng	7.071.566.000	7.745.392.555	109,53%	160,34%
9	Thông tin, tuyên truyền, liên lạc	1.009.254.000	1.227.579.526	121,63%	92,01%
10	Hội nghị	-	189.372.000		175,34%
11	Công tác phí	445.211.000	829.142.583	186,24%	97,64%
12	Chi phí thuê mướn	12.010.780.000	6.582.749.640	54,81%	126,60%
13	Sửa chữa, duy tu tài sản phục vụ công tác chuyên môn và các công trình cơ sở hạ tầng	35.115.736.000	18.371.460.870	52,32%	318,05%
14	Mua sắm tài sản phục vụ công tác chuyên môn	15.490.000.000	22.826.028.062	147,36%	226,66%
15	Chi phí nghiệp vụ chuyên môn của từng ngành	563.203.044.025	357.693.927.074	63,51%	118,56%
	<b>Nhóm 3: Các khoản chi khác</b>	<b>5.951.444.000</b>	<b>56.528.992.288</b>	<b>949,84%</b>	<b>98,36%</b>
16	Chi khác	5.428.604.000	16.476.409.512	303,51%	108,47%

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện năm 2025	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý (6 tháng, năm) nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
17	Chi cho công tác Đảng ở tổ chức Đảng cơ sở và các cấp trên cơ sở, các đơn vị hành chính, sự nghiệp	472.840.000	421.802.288	89,21%	
18	Chi lập các quỹ của đơn vị thực hiện khoán chi và đơn vị sự nghiệp có thu theo quy định		39.630.780.488		94,60%
19	Chi hỗ trợ và giải quyết việc làm	50.000.000			
<b>B</b>	<b>Trích bổ sung chi lương</b>	<b>1.379.197.000</b>	<b>2.433.695.102</b>	<b>176,46%</b>	<b>225,39%</b>

**Nơi nhận:**

- Ban Giám đốc;
- Đăng Website BVNT;
- Lưu TCKT.

Người lập bảng



Lê Nguyễn Kiều My

Kế toán trưởng



Phan Thụy Thu Vân

Khánh Hòa, ngày 10 tháng 01 năm 2026

Giám đốc



Lê Huy Thạch